

KHÁI NIỆM AN NINH CON NGƯỜI TỪ ĐỊNH TÍNH ĐẾN ĐỊNH LƯỢNG***

ĐẶNG XUÂN THANH*
PHÍ HỒNG MINH**

Tóm tắt: Từ khi được đưa ra lần đầu tiên trong Báo cáo phát triển con người 1994, khái niệm an ninh con người ngày càng được phát triển hoàn thiện hơn bao hàm 4 cột trụ cơ bản là: thoát khỏi sự thiếu thốn, thoát khỏi nỗi sợ hãi, tự do sống một cuộc sống có phẩm giá, và thoát khỏi các mối nguy hiểm rình rập. Để có được những đánh giá hoàn chỉnh về các mức độ an ninh con người, đã có một vài phương pháp lượng hóa như tính toán HSI, HII; song các phương pháp đo đạc này vẫn đang trong quá trình kiểm định và hoàn thiện. Dù vậy, đã có sự thống nhất trong việc sử dụng các phương pháp lượng hóa dựa trên 7 nhân tố an ninh con người cơ bản do Liên Hợp Quốc đưa ra gồm: an ninh kinh tế, an ninh lương thực, an ninh sức khỏe, an ninh môi trường, an ninh cá nhân, an ninh cộng đồng, và an ninh chính trị. Bài viết phân tích sự phát triển của khái niệm an ninh con người từ định tính đến định lượng.

Từ khóa: An ninh con người, Chỉ số an ninh con người (HSI), Chỉ số mất an ninh con người (HII)

1. Khái niệm an ninh con người

An ninh là một trong số những thuật ngữ được sử dụng phổ biến nhất trong vòng hơn nửa thế kỷ qua kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, chủ đề an ninh tập trung hầu như toàn bộ vào lĩnh vực an ninh quốc gia. Kết thúc Chiến tranh Lạnh và bối cảnh toàn cầu hóa không chỉ làm thay đổi căn bản trật tự an ninh thế giới, mà còn chuyển dịch mối quan tâm về các vấn đề an ninh, thúc đẩy sự mở rộng khái niệm an ninh từ lĩnh vực an ninh

truyền thống - tức là an ninh quốc gia sang các lĩnh vực khác được gọi chung là an ninh phi truyền thống. Kết quả của sự mở rộng này, theo Barry Buzan (2001) và David A. Baldwin (1997), đã hình thành cấu trúc đa chiều của khái niệm an ninh gồm 4 chiều cạnh chính: (i) an ninh quốc tế (an ninh xuyên quốc gia, an ninh khu vực, an ninh toàn cầu); (ii) an ninh quốc gia; (iii) an ninh công cộng (trật tự, an toàn xã hội); và (iv) an ninh con người. Bốn chiều cạnh an ninh này không độc lập mà có quan hệ tương tác, tùy thuộc lẫn nhau rất chặt chẽ.

Khái niệm an ninh con người được chính thức đưa vào chương trình nghị sự của thế giới lần đầu tiên trong “Báo cáo phát triển con người năm 1994” của UNDP do nhà kinh tế học nổi tiếng người Pakistan, một trong những người đi tiên phong về lý luận phát triển con người, Mahbub ul Haq lãnh

* TS, Phó chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai

** ThS, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

*** Nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.03.14/11-15/2015 “Đảm bảo an ninh con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế” do TS. Đặng Xuân Thanh làm chủ nhiệm

đạo nhóm soạn thảo. Theo đó, khái niệm an ninh con người chứa đựng 2 khía cạnh chính: “(i) Con người được bảo vệ an toàn trước các mối đe dọa triền miên, ví dụ như tình trạng thiếu đói lương thực, tình trạng lan truyền và mắc các bệnh tật truyền nhiễm, cũng như tình trạng áp bức và bạo hành; (ii) Con người được bảo vệ an toàn trước những sự đổ vỡ đột ngột và gây nguy hại cho cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của người dân bất kể trong phạm vi gia đình, hay trong phạm vi công sở, hoặc là trong phạm vi các cộng đồng”. Nói cách khác, an ninh con người hàm ý rằng các cá nhân và cộng đồng có thể “thoát khỏi sự thiếu thốn” và “thoát khỏi sự sợ hãi”. Báo cáo phát triển con người năm 1994 đã chỉ ra được sự khác biệt căn bản giữa phát triển con người và an ninh con người, đó là: phát triển con người được định nghĩa là “quá trình nâng cao năng lực và mở rộng phạm vi lựa chọn của con người” còn khái niệm an ninh con người lại có nghĩa là “mọi người có thể thực hiện những lựa chọn này một cách an toàn và tự do”².

Trên thực tế, việc nhấn mạnh vào an ninh con người như “thoát khỏi sự thiếu thốn” được cổ vũ mạnh từ phía Nhật Bản (Shinoda, 2007), trong khi đó khía cạnh “thoát khỏi nỗi sợ hãi” lại được thúc đẩy bởi các nước như Canada (Dedring, 2007), Na Uy và các thành viên của Mạng lưới An ninh con người (HSN) (Fuentes, 2007). Sau nhiều tranh luận, đến năm 2005, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc lúc đó là ông Kofi Annan đã bổ sung thêm trụ cột thứ ba “tự do sống một cuộc sống có phẩm giá” nhằm nhấn mạnh vào pháp trị, nhân quyền và dân chủ³. Tiếp

đó, Bogardi và Brauch (2005) đã đề xuất trụ cột thứ tư “thoát khỏi những mối nguy hiểm rình rập” nhằm giải quyết vấn đề phát triển bền vững, môi trường và những mối nguy khác với hàm ý “sự tự do của thể hệ tương lai được thừa kế một môi trường lành mạnh”. Do đó, hiện nay nội hàm của an ninh con người có thể được xem như bao gồm bốn trụ cột sau:

(i) Thoát khỏi sự thiếu thốn (phương diện an ninh kinh tế và xã hội) bằng cách giảm tính dễ tổn thương của xã hội thông qua các chương trình xóa đói giảm nghèo (UNDP, 1994; Shinoda, 2007).

(ii) Thoát khỏi nỗi sợ hãi (phương diện an ninh chính trị, quân sự và xã hội) bằng cách giảm khả năng con người phải đối diện với tình trạng bạo lực và xung đột (Fuentes, 2007; Dedring, 2007).

(iii) Tự do sống một cuộc sống có phẩm giá (phương diện an ninh chính trị và xã hội) bằng cách thúc đẩy hệ thống luật định và tăng cường quản trị nhà nước, đảm bảo nhân quyền và dân chủ (Annan, 2005).

(iv) Thoát khỏi các mối nguy hiểm rình rập (phương diện an ninh môi trường) bằng cách giảm tính dễ tổn thương của các xã hội trước các nguy hiểm tự nhiên và con người gây ra (Bogardi và Brauch, 2005).

Về nội hàm, “Báo cáo phát triển con người” của UNDP năm 1994 đã xác định an ninh con người là sự an toàn của con người trước những mối đe dọa triền miên và sự bảo vệ con người trước những biến động bất thường và gây tổn hại đến cuộc sống hàng ngày của người dân. Khi xem xét nội hàm cơ

¹ UNDP (1994), Báo cáo phát triển con người năm 1994 - Human Development Report 1994, tr. 23.

² UNDP, Tlđđ, tr. 23.

³ Annan, Kofi (2000), “In larger freedom: Towards development, security, and human rights for all”. Report

of the Secretary General on the integrated and coordinated follow-up to the outcomes of the major United Nations conferences and summits in the economic, social, and related fields, 05-27078(E), New York, United Nations Press.

bản về an ninh con người thì phải tập trung vào 4 đặc điểm chủ yếu sau đây: (i) An ninh con người là mối quan tâm phổ quát, tức là nó áp dụng cho tất cả mọi người và xã hội, từ giàu tới nghèo; (ii) Các yếu tố cấu thành an ninh con người có tính chất phụ thuộc lẫn nhau, và trên thực tế thì các mối đe dọa tới an ninh con người thường có mối liên kết với nhau; (iii) An ninh con người nếu được phòng ngừa sớm thì sẽ được đảm bảo tốt hơn so với can thiệp muộn; (iv) An ninh con người lấy con người làm trung tâm của sự phát triển (*people-centred*)³. Nội hàm của khái niệm an ninh con người rộng hay hẹp sẽ tùy thuộc chủ yếu vào việc xác định những gì cấu thành nên quyền và sự an toàn của con người.

2. Phương pháp đo đạc chỉ số an ninh con người (HSI)

Đo đạc, đánh giá định lượng về mức độ an ninh con người là một chủ đề quan trọng vừa mang ý nghĩa lý thuyết, vừa mang tính thực tiễn, và có ý nghĩa quyết định đối với sự áp dụng lý luận an ninh con người vào cuộc sống. Hướng nghiên cứu này được triển khai trong hàng loạt công trình như “*An ninh con người: khái niệm và cách đo đạc*” của Bajpai (2000), “*Quan điểm: Các phép đo chân thực về an ninh con người*” của Buttedahl (1994). Đặc biệt là công trình “*Từ phát triển con người đến an ninh con người: hình mẫu của chỉ số an ninh con người HSI*” của Hastings (2009) dưới sự tài trợ của Ủy ban Kinh tế - Xã hội khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc (UNESCAP) đã phát triển phương pháp tính toán chỉ số an ninh con người (HSI) khá toàn diện, sau đó chỉ số này đã được nâng cấp vào năm 2010 thành phiên bản mới (với tên gọi là HSI 2.0), nhằm đánh giá chính xác hơn tình hình an ninh con

người trên thế giới và đã tiến hành tính toán thử nghiệm đối với 232 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tương tự như chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số an ninh con người (HSI) cũng là một chỉ số tổng hợp từ gần 20 chỉ số đầu vào theo 3 nhóm:

- *Nhóm chỉ số kinh tế*: GDP trung bình trên đầu người (theo PPP), chỉ số Gini, tỷ lệ dự trữ ngoại hối trên kim ngạch nhập khẩu, tỷ lệ nợ nước ngoài trên GDP, tỷ lệ tài khoản vãng lai trên GDP.

- *Nhóm chỉ số chính trị-xã hội*: tỷ lệ biết chữ, chỉ số kết nối xã hội, số điện thoại cố định, chỉ số điện thoại di động và chỉ số thuê bao Internet trung bình trên đầu người, chỉ số tự do báo chí, chỉ số bất bình đẳng giới (GGI), chỉ số hòa bình toàn cầu của quốc gia, tỷ lệ tù nhân, chỉ số an ninh lương thực, các chỉ số về quản trị công (chỉ số về ổn định chính trị, chỉ số về mức độ bạo lực, chỉ số kiểm soát tham nhũng, ...).

- *Nhóm chỉ số môi trường*: mức độ dễ tổn thương về môi trường, chỉ số bảo vệ môi trường, tốc độ tăng trưởng dân số.

Tuy nhiên, phương pháp tính toán chỉ số an ninh con người HSI của nhóm Hastings (2009) cũng có những hạn chế cơ bản đó là: (i) Phải dựa quá nhiều vào các đánh giá gián tiếp của nhiều tổ chức ít có uy tín trên thế giới khiến cho mức độ tin cậy giảm; (ii) Lựa chọn các chỉ số đầu vào khá tùy tiện, không thực sự gắn với kết cấu 7 lĩnh vực của an ninh con người; (iii) Không đánh giá được tầm quan trọng tương đối giữa các chỉ số đầu vào, cũng như mức độ tương quan giữa chúng. Chính vì vậy, chỉ số an ninh con người HSI của nhóm Hastings (2009a) vẫn trong giai đoạn nghiên cứu, chưa thực sự được chấp nhận rộng rãi trên thực tế.

Trước đó, vào năm 2000, nhóm Biến đổi môi trường toàn cầu và An ninh con người (GECHS) đã đề xuất *chỉ số mất an ninh con người* (Index of Human Insecurity, IHI) được

³ UNDP, Tlđđ, tr. 22 - 23.

xây dựng dựa trên kết cấu của 7 lĩnh vực thuộc khái niệm an ninh con người. Tiếp đó, nhóm nghiên cứu Sascha, Corinne, và Sven (2011) thuộc Viện Phát triển và Hòa bình (INEF) – Đại học Duisburg-Essen trong công trình “*Đánh giá mất an ninh con người toàn thế giới: Hướng tới Chỉ số mất an ninh con người*” đã phát triển cách tiếp cận của GECHS để tính toán *chỉ số mất an ninh con người* mới (HII) từ 12 chỉ số đầu vào, bám sát 7 chiều cạnh an ninh con người (mỗi lĩnh vực bao gồm 2 chỉ số, riêng hai lĩnh vực an ninh cá nhân và lĩnh vực an ninh cộng đồng thì được gộp chung làm một):

- *An ninh kinh tế*: GDP trên đầu người (PPP), chỉ số chuyển đổi Bertelsmann (BTI) đo mức độ bình đẳng cơ hội và các mạng lưới an toàn xã hội;

- *An ninh lương thực*: tỷ lệ trẻ em nhẹ cân (suy dinh dưỡng) dưới 5 tuổi, tỷ lệ người dân bị suy dinh dưỡng;

- *An ninh sức khỏe*: tỷ lệ dân số mắc bệnh truyền nhiễm, tỷ lệ chết ở trẻ em;

- *An ninh môi trường*: tỷ lệ người dân chịu thiệt hại bởi thiên tai, tỷ lệ dân số được tiếp cận với nước sạch sinh hoạt;

- *An ninh cá nhân và cộng đồng*: số lượng người tị nạn (nhận cứu trợ của Cao ủy LHQ về người tị nạn), quy mô sợ hãi về chính trị;

- *An ninh chính trị*: chỉ số tổng hợp về quyền con người, chỉ số tự do báo chí.

Trên cơ sở tính toán chỉ số mất an ninh con người (HII), nhóm tác giả Sascha, Corinne, and Sven (2011) đã tiến hành phân chia an ninh con người thành 4 mức độ: mức độ an ninh, mức độ tương đối an ninh, mức độ tương đối mất an ninh và mức độ mất an ninh. So với chỉ số an ninh con người HSI, thì chỉ số mất an ninh con người HII có ưu điểm hơn về cơ sở dữ liệu và mức độ bám sát khái niệm an ninh con người trong “*Báo cáo phát triển con người*” năm 1994 của UNDP. Tuy nhiên, vẫn cần phải có thêm thời gian để các nhà khoa

học tiến hành kiểm định và đánh giá tính hữu dụng và tính phổ quát của chỉ số này đối với các nước.

3. Kinh nghiệm lượng hóa chỉ số HSI trên thế giới

Từ khái niệm an ninh con người, Liên Hợp Quốc đã đưa ra bộ 7 yếu tố cấu thành an ninh con người gồm: (i) an ninh kinh tế (đảm bảo thu nhập cơ bản); (ii) an ninh lương thực (tiếp cận được nguồn lương thực); (iii) an ninh sức khỏe (tránh được bệnh dịch một cách tương đối); (iv) an ninh môi trường (tiếp cận tới nguồn nước, đất, không khí sạch); (v) an ninh cá nhân (tránh những hành vi bạo lực thân thể và bị đe dọa); (vi) an ninh cộng đồng (giữ gìn được bản sắc văn hóa); (vii) an ninh chính trị (bảo đảm tự do và các quyền con người cơ bản).

Về cơ bản các nước sẽ tính toán các chỉ số dựa trên bảy nhân tố này. Tuy nhiên, tùy theo thực tiễn từng nước, và khả năng tính toán các chỉ số đó ở mỗi nước, mà mức độ sử dụng các chỉ số này có sự khác biệt. Chẳng hạn như cả 7 chỉ số đều được tính toán và phân tích ở Mozambique, Sierra Leone, Đông Timor, Bulgaria, Afghanistan, Latvia, Moldova. Tuy nhiên, trường hợp Philippines là một đất nước chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai, với các cơn bão nhiệt đới lớn và mạnh đến liên tiếp trong năm nên quốc gia này chỉ tính toán và phân tích chỉ số an ninh cá nhân, an ninh cộng đồng, an ninh chính trị. Nhiều quốc gia khác lại không đưa an ninh lương thực, an ninh môi trường, an ninh cộng đồng vào tính toán và phân tích.

Trong khái niệm an ninh con người được áp dụng phổ biến ở Trung Đông thì Bechir Chourou chỉ ra “*điều cốt yếu nhất của cuộc sống con người*” phân biệt các yếu tố dựa trên cấp độ toàn cầu, khu vực và quốc gia có thể có những ảnh hưởng đến việc đạt được an ninh con người. Ông đưa ra bốn thành tố

của định nghĩa an ninh con người (tính toàn vẹn vật lý, các nhu cầu, những năng lực và sự tham gia) và đề xuất một khuôn khổ giáo dục cho phép thế giới Arab giảm sự mất an ninh và đạt được an ninh con người. Ông chỉ ra hai rào cản địa phương đối với an ninh con người: các xu hướng nhân khẩu học và tiếp cận các dịch vụ xã hội (sức khỏe, giáo

dục) và thảo luận như các thành tố của an ninh con người: (i) bảo vệ tính toàn vẹn vật lý khỏi các mối đe dọa bên trong và bên ngoài đối với an ninh con người; (ii) tiếp cận các nhu cầu cơ bản; (iii) đối mặt với các tình huống bất ngờ và khẩn cấp; và (iv) tham gia vào đời sống công cộng.

Bảng: Phạm vi an ninh con người (ANCN) ở một số quốc gia

	Afghanistan	Latvia	Mace-donia	Philip-pines	Moldova	Kyrgy-zstan	Lesotho	Mozambique	Sierra Leone	Timor-Leste	Bulgaria	Estonia	Quốc đảo Solomon
Định nghĩa ANCN?	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
ANCN có được xác định theo ngữ cảnh không?	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
Phân tích theo ngữ cảnh bày nội dung mất ANCN được định nghĩa theo UNDP?													
An ninh kinh tế	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
An ninh lương thực	✓	✓			✓			✓	✓	✓	✓		✓
An ninh sức khỏe	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓
An ninh môi trường	✓	✓	✓		✓			✓	✓	✓	✓		✓
An ninh cá nhân	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
An ninh cộng đồng	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	
An ninh chính trị	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Những định nghĩa này có được tích hợp vào cấu trúc báo cáo không?	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		

Nguồn: Bajpai, Kanti (2000).

4. Kết luận

An ninh con người là một lĩnh vực an ninh phi truyền thống mới được xây dựng vào đầu thập kỷ 1990 và hiện nay đã có những sự hoàn thiện đáng kể về khái niệm, nội hàm, các thành tố cơ bản... Tuy nhiên, việc lượng hóa nhằm có những công cụ hiệu quả đánh giá mức độ an ninh con người đang có nhiều phương pháp khác nhau và vẫn đang trong quá trình kiểm định, hoàn thiện. Dù vậy, dựa trên các đánh giá kinh nghiệm

quốc tế trong lượng hóa chỉ số an ninh con người, có thể thấy rằng với các khu vực khác nhau, việc dùng chung định nghĩa về an ninh con người của Liên Hợp Quốc hay phát triển khái niệm riêng có ảnh hưởng lớn đến việc lựa chọn các thành tố lượng hóa an ninh con người. Ngay cả khi các quốc gia sử dụng các khái niệm của Liên Hợp Quốc thì việc lựa chọn các bộ phận trong 7 nhân tố cũng có sự khác biệt theo bối cảnh của mỗi quốc gia. Chính vì vậy, việc lựa chọn các thành tố phù

hợp trong việc lượng hóa an ninh con người cho Việt Nam cũng cần được vận dụng linh

hoạt có xem xét tới bối cảnh chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội cụ thể của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Annan, K. (2005), *In larger freedom: Towards Development, Security and Human Rights for All*, New York: UN.
2. Bajpai, Kanti (2000), *Human security: Concept and Measurement*, Kroc Institute Occasional Paper No.19: OP:1, August 2000.
3. Baldwin, David A. (1997), "The concept of security", *Review of International Studies*, No. 23: 5-26.
4. Bogardi, J. and Brauch, H.G. (2005), "Global environmental change: a challenge for human security – defining and conceptualising the environmental dimension of human security", in: Rechkemmer, A. (ed.) *UEO-Towards an International Environment Organization- Approaches to a sustainable reform of global environmental governance*. Baden-Baden: Nomos.
5. Buttedahl, P. (1994), "Viewpoint: True Measures of Human Security", *IRDC Reports*, International Development Research Centre, Canada, 22(3): 1-5.
6. Buzan, Barry (2001), "Human Security in International Perspective", in Anthony, Mely C. and Hassan, Mohamed Jawhar (eds.), *The Asia Pacific in the New Millenium: Political and Security Challenges*, Kuala Lumpur: Institute of Strategic and International Studies.
7. Dedring, J. (2007), "Human security and the UN security council", in Brauch, H.G., Grin, J., Mesjasz, C., Dunay, P., Chadha Behera, N., Chourou, B., Oswald Spring, U., Liotta, P.H., & Kameri-Mbote, P., *Globalisation and Environmental Challenges: Reconceptualising Security in the 21st Century*, Springer.
8. Fuentes, C., (2007) *The human security network: a global North-South coalition*, in: Brauch, H.G., Grin, J., Mesjasz, C., Krummenacher, H., Chadha Behera, N., Chourou, B., Oswald Spring, U. và Kameri-Mbote, P. (eds.), 2007. *Facing Global Environmental Change: Environmental, Human, Energy, Food, Health and Water Security Concepts*, Springer.
9. Hastings, David A. (2009a), *From Human Development to Human Security: A Prototype Human Security Index*, United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, Working Paper WP/09/03.
10. Hastings, David A. (2012), *The Human Security Index: An update and a new realease*, Document Report Version V.1.1.
11. Sascha, W.; Corinne, H.; and Sven, V. (2011), *Assessing Human Insecurity Worldwide: The Way to a Human (In)Security Index*, Duisburg: Institute for Development and Peace, INEF Report, 102, University of Duisburg-Essen.
12. Shinoda, H. (2007) Human Security Initiatives of Japan, in: Brauch, H.G.; Grin, J.; Mesjasz, C.; Krummenacher, P.; Behera, N.; Chourou, B.; Oswald Spring, U.; Liota, P.H và Kameri-Mbote, P. (eds) *Facing Global Environmental Change: Environmental, Human, Energy, Food, Health and Water Security Concepts*, Springer.